

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 694/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 01 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

(Tài liệu Hội Tập Thể Đại biểu trước kỳ họp lần thứ 9 HĐND tỉnh
khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021)

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG	
ĐẾN	Ngày: 01 / 11 / 18
	Số: 7304
	Chuyển: CV?
	Lưu Hồ Sơ: BC UB

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

Năm 2018 là năm thứ 3 triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Bước vào triển khai thực hiện nhiệm, bên cạnh những thuận lợi vẫn còn những khó khăn, thách thức như: tình hình thời tiết diễn biến bất thường, nước lũ ở mức cao, sạt lở bờ sông diễn biến phức tạp, ngành chăn nuôi thiếu ổn định..., đã tác động đến hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân, nhưng với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, điều hành của UBND tỉnh, sự nỗ lực của các ngành, các cấp, doanh nghiệp và nhân dân, kinh tế - xã hội năm 2018 của tỉnh chuyển biến tích cực, đạt mức tăng trưởng khá và cao hơn so cùng kỳ 2017. Các lĩnh vực văn hoá, an sinh xã hội, cải cách hành chính có nhiều tiến bộ. Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được đảm bảo.

Trong 13 chỉ tiêu theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, đã thực hiện hoàn thành và vượt 12/13 chỉ tiêu (chiếm 92,31% tổng chỉ tiêu), trong đó có 05 chỉ tiêu kinh tế và 07 chỉ tiêu văn hóa xã hội, còn lại 01 chỉ tiêu kinh tế không đạt Nghị quyết đề ra.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQHĐND 2018	Ước 2018	So sánh
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	6 – 6,5	6,52	Vượt
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	2 – 2,25	2,04	
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	7,69 – 8,20	8,88	
	- Khu vực Dịch vụ	%	8 – 8,66	8,64	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	5,6	5,28	
2	Cơ cấu kinh tế				Đạt
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	28,86 – 28,93	28,90	
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	14,65 – 14,66	14,79	
	- Khu vực Dịch vụ	%	54,85 – 54,92	54,73	

	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	1,56 – 1,57	1,58	
3	Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân	Triệu đồng/ha	183	170	Không đạt (*)
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	840	840	Vượt
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	26.557	28.837	Vượt
6	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn	Tỷ đồng	5.700	5.860	Vượt
7	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	%	60	60	Đạt
8	Tỷ lệ hộ nghèo	%	4,55	4,55	Đạt
9	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	<4	<4	Đạt
10	Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế	%	81,5	81,5	Đạt
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	20,25	21,95	Vượt
12	Tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh phân tán	%	22,4	22,4	Đạt
13	Phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	43	46	Vượt

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá so sánh 2010, tăng 6,52% so cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng 6,52% thì khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,04% (đóng góp 0,65 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung) cao hơn mức tăng 0,55% của năm 2017; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 8,88% (đóng góp 1,29 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung) cao hơn nhiều mức tăng 6,38% của năm 2017; khu vực dịch vụ tăng 8,64% (đóng góp 4,49 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung) cao hơn mức tăng 6,50% của năm 2017; thuế sản phẩm trừ trợ giá sản phẩm tăng 5,28% (đóng góp 0,09 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung) cao hơn mức tăng 4,61% của năm 2017.

Cơ cấu kinh tế năm 2018 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực (tỷ trọng khu vực II, khu vực III tăng dần qua các năm), trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 28,90%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 14,79%; khu vực dịch vụ chiếm 54,73%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 1,58% (cùng kỳ năm 2017 lần lượt là: 30,22%; 14,38%; 53,78% và 1,61%).

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Ước tính cả năm 2018 Tổng giá trị sản xuất (so sánh 2010) có thể đạt 42.785 tỷ đồng, tăng 3,47% (tăng 1.436 tỷ đồng) so năm 2017. Cụ thể:

a) *Trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm khoảng 681,2 ngàn ha, đạt 98,1% so kế hoạch và bằng 97,37% (giảm 18,4 ngàn ha) so năm 2017. Trong đó, diện tích lúa là 627,4 ngàn ha, đạt 98,92% kế hoạch và bằng 97,86% (giảm 13,7 ngàn ha) so cùng kỳ; diện tích màu là 53,8 ngàn ha, đạt 89,42% kế hoạch và bằng 91,97% (giảm 4,7 ngàn ha) so cùng kỳ.

Nguyên nhân diện tích giảm chủ yếu là do: Chuyển sang trồng cây ăn quả, chuyển sang nuôi thủy sản, chuyển từ màu ngắn ngày sang trồng màu dài ngày, thực hiện đo đạc lại diện tích đất nông nghiệp, xây dựng khu dân cư và công trình phúc lợi xã hội, lợi vụ (không sản xuất) để điều chỉnh lịch thời vụ.

Năng suất lúa bình quân cả năm ước đạt 62,5 tạ/ha, tăng 3,29% (tăng 1,99 tạ/ha so cùng kỳ. Tổng sản lượng lúa cả năm đạt hơn 3,92 triệu tấn, tăng 42 ngàn tấn.

- Cây lâu năm: Diện tích trồng mới cây lâu năm tiếp tục được mở rộng, đến nay, toàn tỉnh có 16,4 ngàn ha, tăng 7,99% (tăng 1.210 ha) so với năm 2017; trong đó, diện tích cho sản phẩm ước khoảng 11,9 ngàn ha, tăng 8,93% (tăng 973 ha) so năm trước. Tổng sản lượng các loại cây lâu năm ước đạt gần 209 ngàn tấn, tăng 10,82% (tăng 20,4 ngàn tấn so với năm 2017).

b) *Chăn nuôi*: Trong những tháng đầu năm, giá cả tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi thấp, nhưng đến Quý III/2018 bắt đầu có dấu hiệu khởi sắc và giữ ở mức cao, quy mô đàn có xu hướng phát triển; tuy nhiên do tâm lý ngại dịch bệnh đang bùng phát, đồng thời giá cả tiêu thụ không ổn định nên đàn chăn nuôi chậm được khôi phục, sản lượng sản xuất chưa bằng cùng kỳ năm trước.

Ước cả năm 2018, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt khoảng 29.529 tấn, bằng 98,3% so cùng kỳ (trong đó: Sản lượng thịt heo đạt 15.609 tấn, bằng 99,13%; thịt gia cầm đạt 6.639 tấn, bằng 105,3%); sản lượng trứng gia cầm gần 368 triệu quả, bằng 101,8% so cùng kỳ.

c) *Lâm nghiệp*: Hoạt động lâm nghiệp tập trung công tác bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng vào mùa khô; bước mùa mưa thực hiện trồng cây phân tán gần 3,295 triệu cây, bằng 95,09% so cùng kỳ.

Đã xảy ra 01 vụ cháy rừng với diện tích 200 m² tại đồi 1 núi Phú Cường (TT. Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên) thiệt hại không đáng kể; phát hiện 19 vụ vi phạm (giảm 19 vụ so cùng kỳ), đã phạt tiền và tịch thu tang vật, với số tiền 14 triệu đồng, 7,2 m³ gỗ và nhiều loại động vật hoang dã khác.

d) *Thủy sản*: Diện tích thủy sản thu hoạch cả năm khoảng 1.726 ha, tăng 12,79% so cùng kỳ. Trong đó, diện tích cá tra 1.138 ha, tăng 13,6% so cùng kỳ. Sản lượng thủy sản nuôi trồng thu hoạch cả năm được khoảng 453 ngàn tấn, tăng 16,6% so cùng kỳ. Trong đó, cá tra 353 ngàn tấn, tăng 19,9%.

Năm nay do lũ lớn, nguồn lợi thuỷ sản tự nhiên khai thác có phần tăng hơn so cùng kỳ, ước tính sản lượng thuỷ sản khai thác được khoảng 23 ngàn tấn, tăng 3,8% so cùng kỳ.

đ) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tính đến tháng 9/2018, trên địa bàn tỉnh có 39 xã đạt chuẩn nông thôn mới; ước đến cuối năm 2018 có 46/119 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 13 xã so với năm 2017, vượt 03 xã so với kế hoạch đề ra.

3. Công nghiệp – Xây dựng

a) Sản xuất công nghiệp: Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) tăng 8,78% so cùng kỳ năm trước, trong đó, tăng cao hơn mức tăng chung và cao nhất là ngành chế biến, chế tạo tăng 9,68%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,91%; ngành sản xuất, phân phối điện và nước đá tăng 4,84% và ngành khai khoáng tăng 1,28%.

Giá trị sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp ước cả năm 2018 theo giá so sánh 2010 đạt 39.542 tỷ đồng, tăng 8,04% so cùng kỳ năm trước; trong đó, ngành khai khoáng đạt 782 tỷ đồng, tăng 4,55%; chế biến, chế tạo đạt 37.674 tỷ đồng, tăng 8,19%; sản xuất, phân phối điện và nước đá đạt 674 tỷ đồng, tăng 4,01%; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải đạt 412 tỷ đồng, tăng 8,14%.

b) Đầu tư xây dựng: Ước giá trị giải ngân cả năm 2018 được 4.061,56 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch (4.512,85 tỷ đồng). Tỷ lệ giải ngân xấp xỉ năm 2017 (năm 2017 đạt 90,01%). Trong đó: (1) nguồn vốn đầu tư tập trung 1.081,19 tỷ đồng, đạt 95,35% kế hoạch; (2) nguồn vốn thu sử dụng đất 237,5 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch; (3) Nguồn vốn xổ số kiến thiết 1.395,56 tỷ đồng, đạt 95,14% kế hoạch; (4) vốn ngân sách trung ương 451,56 tỷ đồng, đạt 96,34% kế hoạch; (5) vốn Trái phiếu Chính phủ 489,24 tỷ đồng, đạt 72,99% kế hoạch; (6) vốn nước ngoài 406,5 tỷ đồng, đạt 77,72% kế hoạch.

Nguyên nhân ước giải ngân cả năm đạt 90% là do nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và vốn ODA dự kiến cuối năm giải ngân không đạt 95%.

4. Thương mại – Dịch vụ

- Ước tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 102.701 tỷ đồng, tăng 11,17% so năm trước. Phân theo ngành hoạt động: Ngành thương nghiệp bán lẻ đạt 72.809,5 tỷ đồng, tăng 11,16%; ngành lưu trú, ăn uống đạt 21.441 tỷ đồng tăng 11,89% và du lịch lữ hành đạt 44 tỷ đồng, giảm 6,71%; ngành dịch vụ đạt 8.407,1 tỷ đồng, tăng 9,64%.

Chỉ số giá tiêu dùng 9 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn tỉnh tăng 3,59%, mức tăng này cao hơn cùng kỳ năm 2017 (9 tháng đầu năm 2017 tăng 2,93%).

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2018 ước đạt 840 triệu USD, tăng 2,44% so cùng kỳ và đạt 100% kế hoạch đề ra. Một số mặt hàng chính: Thủy sản đông lạnh, xuất 118 ngàn tấn, tương đương 270 triệu USD, tăng 14% về lượng, tăng 20% về kim ngạch so cùng kỳ. Gạo xuất khẩu 493 ngàn tấn, tương đương 250 triệu USD, tăng 14% về lượng, tăng 19,62% về kim ngạch so cùng kỳ. May mặc xuất đạt 110 triệu USD, tăng 9% về kim ngạch so cùng kỳ. Rau quả đông lạnh xuất đạt 8.500 tấn, tương đương 13,5 triệu USD, bằng 96,47% về lượng và bằng 96% về kim ngạch so cùng kỳ.

Kim ngạch nhập khẩu đạt 150 triệu USD, tăng 3,45% so cùng kỳ và đạt 100% so kế hoạch.

- Hoạt động du lịch tiếp tục chấn chỉnh các hoạt động yếu kém và tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, UBND tỉnh tổ chức lễ công bố quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch Quốc gia Núi Sam tỉnh An Giang đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Ước năm 2018, có khoảng 8,5 triệu lượt khách đến các điểm tham quan, du lịch trên địa bàn tỉnh, tăng 16,44% so với cùng kỳ; trong đó, khách quốc tế ước đạt 100 nghìn lượt, tăng 33,3% so với cùng kỳ; doanh thu từ hoạt động du lịch đạt 4.800 tỷ đồng, tăng 29,73% so với cùng kỳ.

- *Giao thông vận tải*: Ước cả năm 2018, tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 4.786 tỷ đồng, tăng 9,89% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vận tải hành khách đạt 1.895 tỷ đồng, tăng 8,91%; vận tải hàng hóa đạt 2.666 tỷ đồng, tăng 10,44%; kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 225 tỷ đồng, tăng 11,68%.

- *Bưu chính - Viễn thông*: Số thuê bao điện thoại cố định ước có trên mạng đến cuối tháng 9/2018 là: 47.252 thuê bao (bằng 88,1%) so với cùng kỳ năm 2017; ước số thuê bao điện thoại di động trả sau là 36.249 thuê bao (bằng 86,46%) so với cùng kỳ; số thuê bao Internet là 606.206 thuê bao, (bằng 97,01%) so với cùng kỳ. Doanh thu từ dịch vụ viễn thông năm 2018 ước đạt khoảng 4.500 tỷ đồng.

5. Tình hình phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư

- *Tình hình đăng ký doanh nghiệp*: Tính từ đầu năm đến thời điểm báo cáo (30/10/2018), trên địa bàn tỉnh có 617 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký là 4.313 tỷ đồng, tăng 34,40% (tương đương 1.104 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 6,99 tỷ đồng, tăng 42,94% (tương đương 2,10 tỷ đồng) so với cùng kỳ. Cũng trong thời gian này, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 105 doanh nghiệp, giảm 13,22% (tương đương 16 doanh nghiệp) so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 175 doanh nghiệp, tăng 6,06% (tương đương 10 doanh nghiệp) so với cùng kỳ.

Lũy kế đến nay, số doanh nghiệp đăng ký là 9.255 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký là 54.267 tỷ đồng. Trong đó, số doanh nghiệp còn hoạt động là 5.440 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký là 47.672 tỷ đồng.

- *Tình hình thu hút đầu tư*: Tính từ đầu năm đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh đã thu hút 78 dự án đầu tư (gồm: 02 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, 76 dự án đầu tư trong nước) với tổng vốn đăng ký 78 dự án là 24.831,12 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm 2017, số dự án tăng 6,85% (tăng 05 dự án), tổng vốn đăng ký tăng gấp 2,97 lần (tăng 18.579 tỷ đồng).

* *Tiến độ triển khai các dự án*: Trong 78 dự án đăng ký đầu tư trong năm 2018, Số dự án hoàn thành đưa vào hoạt động là 10 dự án với tổng vốn đăng ký 348 tỷ đồng; số dự án đang triển khai thực hiện là 41 dự án với tổng vốn đăng ký 11.192 tỷ đồng; số dự án chưa triển khai thực hiện là 27 dự án với tổng vốn đăng ký 13.291 tỷ đồng.

6. Tài chính – Ngân hàng

- *Tài chính*: Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn ước năm 2018 đạt 5.860 tỷ đồng, đạt 102,81% so dự toán và bằng 98,44% cùng kỳ (cùng kỳ 5.953 tỷ đồng). Trong đó, thu thuế xuất nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu 160 tỷ đồng, đạt 100% so dự toán năm, bằng 96,16% cùng kỳ; Thu nội địa 5.700 tỷ đồng, đạt 102,89% dự toán năm, bằng 98,50% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương thực hiện 13.232 tỷ đồng, bằng 98,89% so dự toán năm và bằng 111,94% so cùng kỳ (cùng kỳ 11.821 tỷ đồng). Trong đó, chi đầu tư phát triển 2.876 tỷ đồng, đạt 98,10% dự toán năm, bằng 102,08% cùng kỳ (cùng kỳ 2.817 tỷ đồng); Chi thường xuyên 8.062 tỷ đồng, đạt 100,29% so dự toán năm, bằng 99,37% so với cùng kỳ (cùng kỳ 8.114 tỷ đồng).

- *Ngân hàng*: Tổng số dư vốn huy động ước thực hiện đến cuối năm 2018 là 46.700 tỷ đồng, so cuối năm 2017 tăng 13,26%; trong đó huy động trên 12 tháng 19.237 tỷ đồng, chiếm 41,19%/tổng số dư vốn huy động. Tổng dư nợ ước thực hiện đến cuối năm 2018 là 68.083 tỷ đồng, so với cuối năm 2017 tăng 11,99%.

II. Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội

1. Giáo dục đào tạo

Ngành Giáo dục Đào tạo tỉnh tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 05 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tập trung đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, thi cử theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Tăng cường công tác kiểm

định chất lượng giáo dục tại các cơ sở trường học. Ưu tiên đầu tư các điểm trường thuộc các xã trong lộ trình xây dựng nông thôn mới, lộ trình chuẩn quốc gia.

Kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia 2018 toàn tỉnh có 15.668 thí sinh đăng ký dự thi; kết quả trúng tuyển hệ THPT là 99,7%; hệ giáo dục thường xuyên đạt 74,32%; tính chung toàn tỉnh đạt 98,33% (năm 2017 là 98,66%).

Năm học mới 2018-2019, tổng số học sinh huy động được của các cấp học là 427.570 em, tăng hơn 5.500 em so năm học trước. Về cơ sở vật chất, hầu hết các trường đã chuẩn bị đầy đủ phòng học, bàn ghế, cảnh quan trường học đã được quan tâm và cải thiện đáng kể; về trang thiết bị dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên đã được chuẩn bị đầy đủ đáp ứng yêu cầu của việc dạy và học trong năm học mới này.

2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được tăng cường, nhất là sốt xuất huyết, tay chân miệng. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, phòng chống bệnh trong nhân dân, tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra nguồn nước, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, kiểm dịch y tế biên giới. Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 3.190 ca mắc sốt xuất huyết, giảm 23% so cùng kỳ, 1.088 ca tay chân miệng, giảm 55% so với cùng kỳ. Phát hiện số người nhiễm HIV mới giảm 72 ca (giảm 25,7%), số bệnh nhân AIDS giảm 28 ca (giảm 23%), số tử vong giảm 20 ca (giảm 25%).

Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tiếp tục được đẩy mạnh. Ngành Y tế đã tổ chức 168 buổi tập huấn xác nhận về kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong tỉnh; kết hợp các ngành chức năng thực hiện thanh, kiểm tra 10.941 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống qua đó, tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm chung là 76,8%; xử lý vi phạm và nhắc nhở khắc phục trên 2.500 cơ sở.

3. Lao động – việc làm, an sinh xã hội

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm được thực hiện thường xuyên, ổn định. Dự kiến đến cuối năm 2018, giải quyết việc làm cho trên 30.000 lao động, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch năm; trong đó xuất khẩu lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng trên 200 người tại các thị trường: Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Á-Rập-xê-út.

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công và thân nhân người có công. Đã tổ chức Lễ trao 139 Bằng Tổ quốc ghi công, 75 Huân chương độc lập cho các gia đình có nhiều liệt sĩ. Cấp kinh phí hơn 40,5 tỷ đồng tổ chức hoạt động thăm, viếng, trợ cấp Tết, chăm sóc và hồi phục sức khỏe có công và thân nhân người có công, “Bà mẹ Việt Nam anh

hùng”, thương bệnh binh... Quỹ Bảo trợ trẻ em đã vận động và tiếp nhận 4,4 tỷ đồng, qua đó đã hỗ trợ cho 3.104 lượt trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

4. Văn hoá - Thể thao

Thực hiện tốt các hoạt động văn hóa, tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị và tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng; lễ hội Văn hóa Thể thao đồng bào Chăm tỉnh An Giang lần thứ VIII năm 2018.

Phong trào thể dục, thể thao tổ chức rộng khắp đến các xã, phường, thị trấn trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Thể thao thành tích cao, đã cử trên 340 lượt vận động viên thi đấu trên 50 giải thể thao quốc gia. kết quả đoạt tổng cộng 241 huy chương các loại (77 HCV – 68 HCB – 96 HCD).

Công tác dân tộc, tôn giáo tiếp tục được quan tâm, tôn trọng tự do tín ngưỡng, thường xuyên tổ chức thăm hỏi người dân, chúc sức, người có uy tín ở những địa bàn bà con dân tộc sinh sống vào những dịp lễ, Tết truyền thống. Mọi quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo, dân tộc, các vị chức sắc ngày càng thân thiện và hiểu nhau. Lãnh đạo tỉnh, địa phương thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, tặng quà đối với các cơ sở tôn giáo, dân tộc, gia đình tôn giáo, dân tộc tiêu biểu.

5. Khoa học - Công nghệ

- Hoạt động Khoa học Công nghệ, tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/6/2012, Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 28/02/2013 của Tỉnh ủy và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh. Nhiều mô hình ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ được nhân rộng, góp phần tăng hiệu quả và giá trị sản xuất như: Mô hình sản xuất lúa theo hướng an toàn sinh học tại huyện An Phú; mô hình ương giống tôm càng xanh toàn đực trên địa bàn tỉnh An Giang; mô hình nuôi ghép ếch Thái Lan trong vèo kết hợp thả cá sặc rằn trong ao đất tại huyện Châu Phú.

Ngoài ra, trong các lĩnh vực khác ngành Khoa học và công nghệ cũng đạt kết quả nghiên cứu ứng dụng nổi bật. Trong phát triển được liệu, đã sản xuất thành công trên 5.000 viên nang và gói trà Đinh lăng. Đối với lĩnh vực khoa học giáo dục, môi trường, đã xây dựng thành công bộ cơ sở dữ liệu số liệu quan trắc khí tượng thủy văn từ năm 1985 đến năm 2016, bộ cơ sở dữ liệu cấp độ rủi ro thiên tai cho tỉnh An Giang và bộ bản đồ khí hậu điện tử tỉnh An Giang; xây dựng bộ tài liệu dạy và học tiếng Chăm bậc tiểu học và THCS cho học sinh người Chăm tại An Giang.

6. Tài nguyên và môi trường.

- *Tài nguyên*: Cơ bản hoàn thành Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất tỉnh An Giang đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020); hoàn thành công tác thẩm định Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2018 và Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020; thực hiện và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về Thống kê đất đai năm 2017 tỉnh An Giang đúng quy định.

Công bố các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020, ban hành Kế hoạch thực hiện tạo quỹ đất các dự án đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh.

- *Môi trường*: Công tác xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh được quan tâm. Hoàn thành dự án Đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn I và Dự án đầu tư xử lý chất thải 06 bệnh viện trên địa bàn tỉnh; xây dựng Danh mục khu, điểm ô nhiễm môi trường, cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần xử lý trên địa bàn tỉnh An Giang và hoàn thành xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức xử lý dứt điểm 21/71 khu, điểm ô nhiễm môi trường trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Công tác thanh tra, kiểm tra được thường xuyên thực hiện nhằm phục vụ các hoạt động bảo vệ môi trường, nuôi trồng thủy sản, phòng chống thiên tai, đồng thời cảnh báo kịp thời các diễn biến bất thường hay các nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường, sạt lở... Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về lĩnh vực môi trường, các cơ sở sản xuất không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

III. Lĩnh vực nội chính và quản lý nhà nước

1. Công tác tư pháp

Hoạt động tư pháp tập trung kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2018, triển khai các quy định mới của ngành. Chương trình ban hành quyết định của UBND tỉnh năm 2018 gồm với 39 văn bản QPPL, đến nay đã ban hành 29 quyết định phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của tỉnh trên các lĩnh vực.

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật về cơ bản đều được thực hiện đúng yêu cầu, nội dung đề ra. Hội đồng PBGDPL các cấp và đội ngũ báo cáo viên tiếp tục được củng cố, kiện toàn. Các hoạt động PBGDPL trên các phương tiện truyền thông có bước tăng cường và phát huy hiệu quả. Tăng cường tuyên truyền pháp luật về hui theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Tỷ lệ hòa giải thành trung bình khá cao đạt 91%.

Mạng lưới tổ chức trợ giúp pháp lý ở tỉnh gồm có Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước; 03 Chi nhánh ở các huyện Tri Tôn, Chợ Mới và thành phố Châu Đốc; hiện có 03 Văn phòng Thừa phát lại (trên địa bàn các huyện, thành phố: Long Xuyên, Châu Đốc, Chợ Mới), với 06 thừa phát lại, trong đó trong đó 04 thừa phát lại đang hành nghề và 02 thừa phát lại không hành nghề tại tỉnh An Giang.

2. Công tác nội vụ - cải cách hành chính:

- *Tổ chức bộ máy:* Tổ chức thi tuyển công chức bổ sung các đơn vị còn thiếu với 82 biên chế; Ban hành quyết định giao biên chế công chức với số lượng là 2.743 biên chế và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp là 34.425 người; ban hành Quyết định công nhận phân loại đơn vị hành chính các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang; Tham mưu Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết 18, 19 Hội nghị Trung ương 6 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập. Đến nay đã ban hành các quyết định phê duyệt Đề án: thành lập Trung tâm Phát triển du lịch An Giang; Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy Sở Công thương; Đề án tinh gọn bộ máy của Văn phòng UBND tỉnh An Giang; Tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện; Thành lập Hạt Kiểm lâm liên huyện trực thuộc Chi Cục Kiểm lâm An Giang trên cơ sở tổ chức lại Hạt Kiểm lâm huyện Tri Tôn và Hạt Kiểm lâm huyện Tịnh Biên; Công văn hướng dẫn các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện tiếp tục hoàn chỉnh Đề án tinh gọn bộ máy bên trong các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; Sáp nhập Trung tâm Văn hóa và Trung tâm Thể dục - Thể thao huyện Chợ Mới

- *Cải cách hành chính:* Các hoạt động kiểm tra cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, qua đó đã kịp thời phát hiện những hạn chế, khuyết điểm, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động cải cách hành chính của đơn vị và nhất là việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức.

Năm 2017, chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh tăng 06 bậc so năm 2016, An Giang đạt 62,16 điểm, xếp thứ 32/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (chỉ số PAPI) xếp hạng 18/63 tỉnh thành, tăng 16 bậc so năm 2016; chỉ số cải cách hành chính; Chỉ số cải cách hành chính (Par index) xếp hạng 8/63 tỉnh thành, tăng 28 bậc so năm 2017.

Trung tâm hành chính công của tỉnh được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2018; là đầu mối tập trung thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC). Đến nay, Trung tâm Hành chính công tỉnh đã tiếp nhận 15.751 hồ sơ, trả kết quả 14.227 hồ sơ (đúng hạn 14.031 hồ sơ, trễ hạn 196 hồ sơ, đang xử lý 1.296 hồ sơ).

3. Công tác ngoại vụ

Tiếp tục duy trì và tăng cường mối quan hệ đối ngoại với các Tổng lãnh sự quán các nước tại TP. Hồ Chí Minh, các tổ chức quốc tế của các nước. Lãnh đạo UBND tỉnh tiếp đoàn Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ đến thăm và làm việc tại tỉnh; gặp gỡ Đại sứ quán Iran tại Hà Nội nhằm kết nối việc xuất khẩu mặt hàng gạo vào thị trường Iran; tham dự Hội nghị gặp gỡ An Giang Nhật Bản – khu vực ĐBSCL...

Quan hệ đối ngoại, hợp tác với các tỉnh giáp biên giới tiếp tục phát triển tốt, đã tổ chức họp định kỳ 6 tháng đầu năm năm 2018 với 02 tỉnh Tàkeo, Kandal - Campuchia; tăng cường hợp tác công tác phòng chống tội phạm biên giới.

Công tác lễ tân - lãnh sự được thực hiện nhanh, gọn, đảm bảo tính trọng thị, chu đáo; hướng dẫn và quản lý tốt hoạt động của các đoàn vào đoàn ra, khách quốc tế đến thăm, làm việc, hoạt động nhân đạo, từ thiện và tác. Đến ngày báo cáo đã có 361 đoàn ra với 1.203 người xuất cảnh đi các nước; đồng thời tiếp nhận 158 đoàn với 748 người đến làm việc, học tập tại An Giang.

4. Công tác Thanh tra - phòng chống tham nhũng

Đến ngày báo cáo, ngành Thanh tra tiến hành 40 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện thực hiện quy định phòng chống tham nhũng tại 55 cơ quan đơn vị. Qua công tác thanh tra chưa phát hiện hành vi, vụ việc liên quan tham nhũng; chủ yếu tiếp tục xử lý, giải quyết các vụ việc kỳ trước chuyển sang 10 vụ, với 21 đối tượng. Đến nay, đã có bản án 04 vụ, khởi tố 01 vụ; 05 vụ còn lại đang trong giai đoạn thụ lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

Công tác tiếp công dân luôn được tăng cường, không phát sinh điểm nóng, lượng đơn thẩm quyền được các cơ quan chuyên môn tham mưu giải quyết kịp thời, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Toàn tỉnh tiếp 6.232 lượt người và 04 đoàn đông người với 21 lượt (*số lượt tiếp dân giảm 7,08% so với cùng kỳ năm trước, giảm 475 lượt người; đoàn đông người giảm đến 19 đoàn*). Ngoài ra, vẫn còn tình trạng công dân khiếu nại đeo bám, kéo dài tại các cơ quan Trung ương, đây là những vụ việc giải tỏa thu hồi đất để thực hiện các dự án từ những năm trước đây hoặc thực hiện chính sách điều chỉnh đất đai qua các thời kỳ, mặc dù đã được nhiều Đoàn, Tổ công tác Trung ương rà soát và cũng đã được Thủ tướng Chính phủ có văn bản đồng ý với kết quả rà soát, Tỉnh cũng đã tìm nhiều giải pháp và vận dụng các chính sách có lợi nhất để giải quyết nhưng công dân không đồng ý.

Toàn tỉnh nhận mới 1.795 đơn (tăng 6,23% so với cùng kỳ năm trước, tăng 112 đơn), trong đó có 1.522 đơn không thuộc thẩm quyền đã được xử lý và 273 đơn thuộc thẩm quyền (261 đơn khiếu nại và 12 đơn tố cáo). Kết quả đã giải quyết 221/273 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt 80,95%. Các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được tổ chức thi hành ngay, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân.

5. An ninh, quốc phòng, trật tự và an toàn xã hội

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về công tác sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai năm 2018. Duy trì nghiêm chế độ trực; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng Công an, Biên phòng thực hiện tốt nhiệm vụ hoạt động chính trị, tuần tra kiểm soát giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ năm 2018 tỉnh An Giang.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông được triển khai thực hiện nghiêm túc đạt hiệu quả cao; đặc biệt là thực hiện kế hoạch cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm đảm bảo an ninh trật tự trước trong và sau Tết Nguyên đán. Đến ngày báo cáo, toàn tỉnh xảy ra 262 vụ phạm pháp hình sự, giảm 22,3% so cùng kỳ, trong đó án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng 33 vụ, giảm 21,4%; phát hiện bắt 977 vụ buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới, giảm 22,2% so cùng kỳ; phát hiện bắt 124 vụ liên quan ma túy, tăng 30% so cùng kỳ. Số người nghiện ma túy có hồ sơ là 4.997 người, tăng 647 người so cùng kỳ.

Xảy ra 69 vụ tai nạn giao thông, làm 69 người chết, 39 người bị thương (trong đó có 01 vụ đường thủy nghiêm trọng, làm 02 người chết, 01 người mất tích của Đoàn Kiểm tra liên ngành, vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 10 người bị thương), so cùng kỳ 2017, số vụ giảm 25%, số người chết giảm 13,8%, số người bị thương giảm 23,5%.

* *Tình hình thiên tai:* Tính từ đầu năm, mưa giông làm thiệt hại 255 căn nhà người dân; trong đó, nhà sập hoàn toàn 19 căn, tốc mái, xiêu vẹo 236 căn. Xảy ra 54 điểm sập lún, sạt lở đất bờ sông, kênh, rạch, gồm: An Phú: 10 điểm; Tân Châu: 08 điểm; Châu Phú: 03 điểm; TP.Long Xuyên: 10 điểm; Chợ Mới: 14 điểm và Phú Tân: 09 điểm, với tổng chiều dài sạt lở 2.589 m, làm ảnh hưởng 110 căn nhà, trong đó có 03 nhà sập hoàn toàn và 08 căn bị sập một phần xuống sông.

6. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Những điểm nổi bật, công việc trọng tâm:

Xác định năm 2018 là năm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh, nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch 5 năm giai đoạn 2015-2020. Chính tháng đầu năm 2018, trong bối cảnh có những thuận lợi nhưng còn nhiều khó khăn, thách thức..., lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành theo Chương trình công tác ban hành từ đầu năm và những nội dung phát sinh bổ sung sát với tình hình thực tế của địa phương; chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ, quyết liệt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Nghị quyết số 14/NQ-

HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

Đến ngày báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và tham dự 457 cuộc họp làm việc với các đơn vị liên quan; ban hành 3.943 văn bản chỉ đạo điều hành, trong đó có 2.763 quyết định. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 5.679 văn bản truyền đạt ý kiến Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực sau:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành linh hoạt và quyết liệt trong việc thực hiện các giải pháp ổn định kinh tế, kiềm chế lạm phát, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phòng chống lụt bão và dịch bệnh trên gia súc gia cầm; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh, tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2018 tỉnh An Giang; chuẩn bị các nội dung sơ kết giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh. Tổ chức Lễ kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2018 tỉnh An Giang...

- Làm việc với Thủ tướng Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương nhằm tháo gỡ khó khăn cho địa phương như dự án đường tránh Quốc lộ 91 đi qua thành phố Long Xuyên, dự án đầu tư khu du lịch Núi Sam – Châu Đốc, dự án biến đổi khí hậu, bổ sung vốn các Quỹ tài chính của địa phương, hỗ trợ đầu tư các dự án phát triển nông nghiệp...

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết 19 và 35/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, Trung tâm hành chính công của tỉnh chính thức đi vào hoạt động, bước đầu hoạt động khá hiệu quả, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt trên 99%. Các chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), Chỉ số hiệu quả và quản trị công (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (Par Index) đều tăng điểm và tăng hạng so cùng kỳ. Tổ chức sắp xếp bộ máy hành chính tinh gọn, theo Nghị quyết 18 và 19-NQ/TW của Hội nghị TW 6 nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Mậu Tuất 2018; đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau Tết Nguyên đán Mậu Tuất; Quan tâm thực hiện các chính sách bảo đảm an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao và giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, môi trường bức xúc.

- Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo còn tồn đọng; đẩy mạnh công tác tiếp và đối thoại với công dân..., không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người nhằm ổn định tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; tăng cường kiểm soát, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh công tác chuẩn bị phục vụ các kỳ họp của Thường trực HĐND, HĐND tỉnh; quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng nội dung các văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh, các báo cáo chuyên đề phục vụ công tác giám sát của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của nhân dân, những kiến nghị chính đáng của cử tri và ý kiến phản ánh của các tổ chức đoàn thể, mặt trận; khắc phục kịp thời những hạn chế, tồn tại qua kết quả giám sát của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Công tác phối hợp Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

Thực hiện Quy chế phối hợp, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh tham dự đầy đủ các cuộc họp do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức; chủ động phối hợp trong công tác chuẩn bị phục vụ các kỳ họp HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021; quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng nội dung các văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh, các báo cáo chuyên đề phục vụ công tác giám sát của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

Phối hợp trong việc lấy ý kiến nhân dân, tích cực tham gia công tác phản biện xã hội đối với những quyết định lớn của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của nhân dân, những kiến nghị chính đáng của cử tri trước và sau các kỳ họp lần thứ 3, thứ 5 HĐND tỉnh, họp tổ đại biểu và ý kiến phản ánh của các tổ chức đoàn thể, mặt trận; khắc phục kịp thời những hạn chế, tồn tại qua kết quả giám sát của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tăng cường phối hợp với Ủy ban MTTQ, các hội, đoàn thể các cấp tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phòng chống sạt lở, khai thác cát, công tác giải quyết khiếu nại tố cáo...

IV. Tồn tại, hạn chế

Kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2018 nhìn chung khá khả quan, đạt được nhiều kết quả cao hơn so với cùng kỳ năm 2017. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

- Tình hình sạt lở, sụt lún đất bờ sông, kênh rạch trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp, gây thiệt hại về đất đai, tài sản và ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân.

- Kết quả các đề tài khoa học công nghệ cơ sở chưa được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất do còn thiếu kinh phí chuyển giao và chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập.

- Hoạt động của tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp, số người nghiện tăng cao và nhanh chóng lan rộng trong lứa tuổi thanh thiếu niên. Các đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy tăng gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

- Ô nhiễm môi trường, tiếng ồn (đặc biệt là khu vực gần khu công nghiệp, khu xử lý chất thải, nhà nuôi chim yến) gây tác động xấu đến cuộc sống người dân xung quanh; bên cạnh đó, thực hiện thu mẫu quan trắc môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh cũng cho thấy chất lượng nước mặt tại một số nơi bị sụt giảm, đặc biệt là vị trí tại ngã ba rạch Cái Sắn giáp Cần Thơ.

PHẦN THỨ HAI

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

Năm 2019, là năm “nước rút”, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Trên tinh thần đó, các ngành, các cấp cần xác định rõ nhiệm vụ, yêu cầu để từ đó thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của tỉnh theo hướng tích cực và bền vững. Cụ thể, cần tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trên cơ sở cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh nền kinh tế tỉnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Tiếp tục chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Thực hiện củng cố quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

I. Một số dự báo tình hình

Dự báo tình hình thế giới thời gian tới vẫn diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức; chiến tranh thương mại, biến động tỷ giá, lãi suất, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng nặng nề. Khoa học, công nghệ phát triển nhanh và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với nước ta.

Ở trong nước, tiếp tục đã phát triển thuận lợi những năm gần đây, tiềm lực đất nước vững mạnh hơn nhiều. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém và những khó khăn, thách thức lớn. Chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm, chưa bền vững; năng suất lao động, năng lực cạnh tranh còn thấp. Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực đòi hỏi nguồn lực lớn. Tiềm lực, sức cạnh tranh của khu vực kinh tế trong nước còn thấp, chưa tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Ứng dụng công nghệ cao ở nhiều ngành, lĩnh vực còn hạn chế. Việc tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như CPTPP, FTA với EU...) với yêu cầu cao hơn và phải thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, cả về thuế quan, mở cửa thị trường, sở hữu trí tuệ... mà không còn được hưởng các ưu đãi đặc thù cho giai đoạn chuyển đổi như trước. Đây là áp lực lớn mà các cấp, các ngành và khu vực kinh tế trong nước cần vượt qua để phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng, hiệu quả.

Thông qua dự báo về tình hình trong nước và thế giới, năm 2019 dự kiến sẽ mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đầy khó khăn thách thức cho tỉnh An Giang. Tuy nhiên, với sự chuyển đổi hợp lý để nắm bắt cơ hội và sự nỗ lực khắc phục những tồn tại hạn chế của kinh tế tỉnh, đồng thời giữ vững, phát huy những thành tựu về kinh tế, xã hội đã đạt được trong những năm qua, dự báo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh năm 2019 có thể khả năng sẽ tiếp tục đạt được đà phát triển tích cực như năm 2018.

II. Đánh giá những khó khăn và thuận lợi

1. Thuận lợi

Trước tình hình kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng cải thiện tích cực của năm 2018, tăng trưởng kinh tế và thương mại của thế giới năm 2019 dự báo cao hơn năm 2018, tạo tiền đề thuận lợi hơn cho phát triển kinh tế và xuất khẩu; Chính phủ quan tâm cải cách thể chế, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia đầu tư trong năm 2018 sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả trong năm 2019.

Khu vực nông - lâm - thủy sản cũng có nhiều triển vọng phát triển hơn khi giá lương thực toàn cầu tăng, thị trường xuất khẩu của tỉnh ngày càng được mở rộng; những tác động tiêu cực của thời tiết giảm bớt và những hoạt động cải cách, tái cơ cấu nông nghiệp bắt đầu có chuyển biến tích cực, đồng thời, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp đã và đang triển khai vào thực tiễn.

Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã triển khai bắt đầu có hiệu ứng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng: cây ăn trái sẽ cho thu hoạch nhiều hơn; thực hiện chăn nuôi heo theo hình thức trang trại, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến cho sản phẩm tăng ổn định. Đề án giống cá tra 3 cấp đang triển khai thực hiện, dự kiến kết quả tăng sản xuất giống thêm 200 triệu con; Chương

trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đạt nhiều kết quả, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế.

Cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh đang ngày càng cải thiện. Đặc biệt là công trình Cầu Vàm Cống sắp hoàn thành có ý nghĩa quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, dịch vụ, giao thương giữa An Giang với các tỉnh trong và ngoài vùng. Bên cạnh đó, từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh đã thu hút nhiều dự án đầu tư trên các lĩnh vực bao gồm dịch vụ, nông nghiệp và công nghiệp. Đây cũng là tiền đề đề kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của tỉnh sẽ cao hơn vào năm 2019.

2. Khó khăn

Tỉnh An Giang vẫn còn nhiều khó khăn, như: Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vẫn đang ở bước sơ khai, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, với các mô hình quy mô nhỏ và vừa, chưa tạo ra sự khác biệt trong sản xuất nông nghiệp của An Giang so với các tỉnh khác. An Giang có những tiền đề trong sản xuất giống thủy sản, giống lúa...nhưng sản xuất còn nhỏ, lẻ, chưa tạo ra giá trị lớn đóng góp nhiều cho tăng trưởng nông nghiệp, chưa hình thành ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn có sức cạnh tranh cao.

Giá trị tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh phụ thuộc chủ yếu từ sự tăng trưởng nhu cầu của các nước nhập khẩu ở mặt hàng gạo, Châu Á thay thế các nước Châu Âu trở thành thị trường nhập khẩu thủy sản chính, gia tăng đầu tư nước ngoài của các doanh nghiệp FDI ngành dệt may.

Hạ tầng và sản phẩm du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành, chưa phát huy được lợi thế cạnh tranh về điểm và khu du lịch so với các địa phương trong vùng; chưa có doanh nghiệp đủ tầm để đầu tư đồng bộ các khu điểm du lịch để tăng thu ngân sách và giải quyết lao động trong tỉnh; công tác đền bù giải phóng mặt bằng để doanh nghiệp đầu tư còn nhiều hạn chế.

Ngoài ra, các vấn đề về thời tiết cực đoan, ô nhiễm môi trường dự báo sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến đời sống người dân trên địa bàn tỉnh như hiện tượng mưa giông, sạt lở, sục lún ngày càng diễn biến phức tạp; ô nhiễm môi trường tại các khu vực gần khu công nghiệp, khu xử lý chất thải, nhà nuôi chim yến tiếp tục gây bức xúc cho người dân nếu chậm được xử lý. Việc tranh thủ vốn để xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (rác thải, xử lý chất thải bệnh viện) và việc kêu gọi đầu tư nhà máy xử lý rác còn nhiều khó khăn.

Công tác phòng, chống tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả còn một số tồn tại, hạn chế; các loại tội phạm có tổ chức, giết người, xâm hại trẻ em, trộm cắp, ma túy, tín dụng đen, tội phạm kinh tế, tham nhũng, buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả,... diễn ra phức tạp sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

III. Mục tiêu, chỉ tiêu năm 2019

1. Mục tiêu:

Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, khai thác có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế ổn định, bền vững theo hướng tăng trưởng xanh; Khai thác mạnh mẽ lợi thế so sánh của tỉnh trong liên kết vùng; Ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sinh học vào sản xuất và chế biến; Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; Tập trung đầu tư, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân; Thực hiện tốt các chính sách về giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, từng bước giảm thiểu tai nạn giao thông.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	7,00 – 8,00
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	2,63 – 3,34
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	9,36 – 10,30
	- Khu vực Dịch vụ	%	9,02 – 10,25
	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	1,47
2	Cơ cấu kinh tế		
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	27,59 – 27,65
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	15,08
	- Khu vực Dịch vụ	%	55,67 - 55,75
	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	1,58-1,59
3	Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân	Triệu đồng/ha	183
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	890
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	30.179
6	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn (tỷ đồng)	Tỷ đồng	6.073
7	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	%	62,5
8	Tỷ lệ hộ nghèo	%	3,75
9	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	<4
10	Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế	%	86,2
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	22,01
12	Tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh phân tán	%	22,4
13	Phân đầu xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	57

IV. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển ngành

1. Phát triển kinh tế

1.1. Lĩnh vực nông – lâm – thủy sản

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh đưa các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh tiếp cận các hệ thống phân phối trong và ngoài nước.

Tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp xây dựng và mở rộng vùng nguyên liệu, kết hợp đầu tư nhà máy sơ chế, kho bảo quản, tồn trữ sản phẩm gần vùng nguyên liệu. Đồng thời, thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác tham gia vào mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Nghiên cứu ứng dụng hiệu quả khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Có giải pháp thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông thôn, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp; Triển khai các giải pháp phát triển thị trường, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản; tăng sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế hướng tới một nền nông nghiệp hữu cơ, chất lượng và có giá trị kinh tế cao.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp- xây dựng

a) Công nghiệp - TTCN

Cơ cấu lại ngành công nghiệp của tỉnh, trong đó, tập trung hỗ trợ vào những ngành công nghiệp nền tảng, có lợi thế cạnh tranh và có ý nghĩa chiến lược đối với tăng trưởng nhanh, bền vững của tỉnh; lựa chọn sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp chủ lực để ưu tiên hỗ trợ phát triển.

Tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong đổi mới công nghệ, nâng cao giá trị sản xuất, đổi mới mô hình quản lý để hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Tạo điều kiện cho các dự án đầu tư, nhất là các dự án có quy mô lớn đi vào hoạt động để tăng nhanh sản lượng công nghiệp góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành công nghiệp và tạo đà tăng trưởng cho năm 2019.

Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển công nghiệp tỉnh theo Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về định hướng xây dựng chính sách công nghiệp tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Xây dựng Đề án nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp cơ cấu lại ngành công nghiệp

tỉnh An Giang đến 2025 và tầm nhìn đến 2030; Xây dựng Đề án phát triển ngành cơ khí, cơ khí hỗ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp tỉnh An Giang.

b) Đầu tư xây dựng

Chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư công theo Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2016 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 02/12/2016; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016; Đồng thời thực hiện tốt các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về quản lý đầu tư công.

Thực hiện tốt công tác kế hoạch, bố trí vốn phù hợp với khả năng triển khai thực tế và khả năng cân đối vốn của cả Tỉnh, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với các Nghị quyết của Tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từ đó tạo đòn bẩy phát triển kinh tế của Tỉnh.

1.3. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

Đẩy mạnh sức tiêu thụ hàng hóa tại địa phương; Khuyến khích sử dụng hàng hóa trong nước, giữ vững ổn định thị trường, phát triển lành mạnh và bền vững thị trường hàng hóa; Khai thác thế mạnh kinh tế biên giới, gia tăng lưu lượng hàng hóa xuất khẩu qua các cửa khẩu để phát triển các loại hình dịch vụ; Kiểm tra kiểm soát thị trường, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần ổn định thị trường trên địa bàn quản lý, bảo vệ quyền lợi, sức khỏe người tiêu dùng và các cơ sở sản xuất, kinh doanh chân chính.

Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển thương mại như: Đề án phát triển thương mại biên giới tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Phát triển hệ thống logistics trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

1.4. Phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư

Tiếp tục tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư tham gia đăng ký thành lập và đầu tư trên địa bàn tỉnh; củng cố, kiện toàn, nâng chất hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã hiện đang hoạt động. Đồng thời, quan tâm xây dựng, phát triển hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã kiểu mới tại các xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 08/02/2018 về phát triển doanh nghiệp tỉnh An Giang đến 2020 và Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 19/3/2018 triển khai Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 377/CTr-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 31/5/2018 về thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ gắn với cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh An Giang.

Tiếp tục rà soát và nghiên cứu thực hiện Quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng tinh gọn, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư khi thực hiện thủ tục đầu tư tại An Giang.

1.5. Tài chính - ngân hàng

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính hiệu quả, công bằng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng hiệu quả đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, ứng dụng công nghệ cao...), hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, gắn với thực hiện các chính sách tín dụng trọng điểm của ngành, các chương trình, đề án của tỉnh, nhất là tổ chức thực hiện Nghị quyết 09/NQ-TU ngày 27/6/2012 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy An Giang về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Tăng cường công tác thanh tra, giám sát của NHNN tỉnh và công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ các tổ chức tín dụng trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm của các tổ chức tín dụng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phối hợp đấu tranh phòng chống tham nhũng và tội phạm trong ngành Ngân hàng nhằm đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, đúng pháp luật.

Tổ chức, quản lý chặt chẽ nguồn thu và đối tượng nộp thuế thực tế phát sinh. Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn xử lý kịp thời các trường hợp trốn lậu thuế. Đẩy mạnh việc triển khai cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2016 của Chính phủ.

2. Phát triển văn hóa - xã hội

Xây dựng nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng với nhu cầu phát triển của xã hội; coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành. Phát triển quy mô, cơ cấu giáo dục hợp lý, hài hòa, đảm bảo công bằng xã hội, từng bước hình thành xã hội học tập.

Tiếp tục xây dựng củng cố hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh tật, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng dân số, góp phần vào cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện tốt mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc. Đẩy mạnh các hoạt động bảo trợ, trợ giúp xã hội; quan tâm thực hiện tốt chính sách người có công cách mạng; Nâng chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với giải quyết việc làm. thúc đẩy tạo chuyển biến tích cực về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và quyền trẻ em.

Phát triển văn hóa và con người Việt Nam theo hướng toàn diện; văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Xây dựng gia đình no ấm, văn hóa, tiến bộ, hạnh phúc. Phát triển sâu rộng thể dục thể thao quần chúng để nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Quản lý tài nguyên – môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường gắn với việc thực hiện tăng trưởng xanh. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường tài nguyên khoáng sản theo hướng sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Tăng cường sự phối hợp liên ngành, liên vùng trong khai thác, sử dụng nguồn nước; phối hợp trong khai thác và kiểm soát nguồn tài nguyên cát, chống sạt lở bờ sông, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của người dân sống và sản xuất ven sông. Kiên quyết xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và các vấn đề môi trường; Nâng cao năng lực, chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với

biến đổi khí hậu, giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhân dân. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai trên địa bàn tỉnh.

4. Lĩnh vực nội chính và quản lý nhà nước

- Triển khai và giám sát việc thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ X.

- Tập trung xây dựng nền hành chính công trong sạch, vững mạnh, minh bạch, thông suốt, chuyên nghiệp, tiến tới hiện đại; Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Đảm bảo hiệu lực quản lý, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) đạt hiệu quả.

- Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khai thác hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế góp phần đẩy nhanh việc tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng chất lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường quảng bá hình ảnh và con người, những nét văn hoá đặc sắc của An Giang với bạn bè quốc tế.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo còn tồn đọng; đẩy mạnh công tác tiếp và đối thoại với công dân..., không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người.

- Tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật, kiềm chế tội phạm, giảm các loại trọng án, giảm tội phạm tại các địa bàn trọng điểm. *1.12*

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND tỉnh;
- CT, các P.CT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Vp.UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Vp.UBND tỉnh;
- Lưu HCTC.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Lê Văn Nưng